TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 01/2019/QĐST-DS	*Trà Vinh, ngày 20 tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trịnh Minh Tự

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Trung Vẹn;

Bà Nguyễn Thị Mười.

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235 và Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 24/2018/TLST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2018.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1978. Địa chỉ: ấp Phú H, xã Long Đ, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt có lý do)

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Văn T: Ông Nguyễn Tiến L, sinh năm 1956. Địa chỉ: Số 38 Phan Đình P, khóm 2, phường 7, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (theo văn bản ủy quyền ngày 05/7/2018 – có mặt)

Bị đơn: Ông Lê Quang C, sinh năm 1963. Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, khóm 4, thị trấn C T, tỉnh Trà Vinh (có mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1963. Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, khóm 4, thị trấn C T, tỉnh Trà Vinh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

2. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh. Trụ sở: Số 478A Mậu Thân, khóm 3, phường 6, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn H – Chức vụ: Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn H: Ông Nguyễn Minh T – Chức vụ: Giám đốc Văn phòng đang ký đất đai tỉnh Trà Vinh (theo văn bản ủy quyền số 595/STNMT-VP ngày 27/3/2019 – có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

+ Về số tiền phải trả: Ông Nguyễn Tiến L và ông Lê Quang C tự nguyện thỏa thuận: Ông Lê Quang C và bà Huỳnh Thị N tự nguyện trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền vốn là 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng), tiền lãi là 41 tháng (tính từ ngày 16/11/2015 đến 16/4/2019) với lãi suất 18%/năm (1,5%/tháng), số tiền là 153.750.000đ (Một trăm năm mươi ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Tổng cộng số tiền ông C, bà N có trách nhiệm trả cho ông T là 403.750.000đ (Bốn trăm lẻ ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng)

+ Về thời gian trả: Ông Nguyễn Tiến L và ông Lê Quang C tự nguyện thỏa thuận thời gian trả do Cục thi hành án Dân sự tỉnh Trà Vinh giải quyết theo quy định của Luật Thi hành án Dân sự.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

+ Về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Tại phiên tòa ông Nguyễn Tiến L và ông Lê Quang C tự nguyện thỏa thuận yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa số 250, tờ bản đồ số 5, diện tích 324 m^2, tọa lạc tại Khóm 4, thị trấn C T, huyện C T, tỉnh Trà Vinh do ông Lê Quang C, bà Huỳnh Thị N ký chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn T được Văn phòng Công chứng Số 1, tỉnh Trà Vinh chứng thực và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 250, tờ bản đồ số 5, diện tích 324 m^2, tọa lạc tại Khóm 4, thị trấn C T, huyện C T, tỉnh Trà Vinh do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh cấp cho ông Nguyễn Văn T.

Sự tự nguyện của các bên đương sự là phù hợp với quy định pháp luật và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 250, tờ bản đồ số 5, diện tích 324 m^2, tọa lạc tại Khóm 4, thị trấn C T, huyện C T, tỉnh Trà Vinh cấp cho ông Nguyễn Văn T vào ngày 31/5/2016 theo quy định tại khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2013 .

Ông Lê Quang C và bà Huỳnh Thị N có trách nhiệm liên hệ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục xin cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 250, tờ bản đồ số 5, diện tích 324 m^2, tọa lạc tại Khóm 4, thị trấn C T, huyện C T, tỉnh Trà Vinh theo quy định pháp luật.

+ Về chi phí thẩm định, định giá và cung cấp thông tin: Tổng số tiền là 3.483.500đ (Ba triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn năm trăm đồng).

Ông Nguyễn Tiến L và ông Lê Quang C tự nguyện thỏa thuận: Ông Lê Quang C, bà Huỳnh Thị N chịu 1.166.000đ (Một triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn đồng). Ông Nguyễn Văn T chịu 2.317.500đ (Hai triệu ba trăm mười bảy

nghìn năm trăm đồng), do ông T đã nộp tạm ứng trước số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng), ông T đã nhận lại số tiền 1.516.500đ (Một triệu năm trăm mười sáu nghìn năm trăm đồng) tại Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh, số tiền còn lại là 1.166.000đ (Một triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) do Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Trà Vinh thu từ ông C, bà N sẽ giao lại cho ông T.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Tiến L và ông Lê Quang C tự nguyện thỏa thuận:

Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông T số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/ 0010105 ngày 16/5/2017 do Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C T thu.

Ông Lê Quang C và bà Huỳnh Thị N chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 20.450.000đ (Hai mươi triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông C, bà N đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số AA/2015/0015055 ngày 09/02/2018 do Chi cụ Thi hành án Dân sự huyện C T thu. Ông C, bà N có trách nhiệm nộp đủ số tiền còn lại.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

(Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự)./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh;
- Chi cục THADS tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Minh Tự